

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 370/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-12-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và Bà Ngô Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Th Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 402/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 420/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 293/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Chị **Phạm Thị Hồng Th**, sinh năm 1992.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã Th, huyện Gi, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1991.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã Th, huyện Gi, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Vương quốc Anh. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn Kh**, sinh năm 1970 và bà **Trần Thị T**, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện Gi, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người được chị Th ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1993. Địa chỉ: A12 đường Nguyễn C, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Gi, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/7/2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại địa phương, cuộc sống hòa hợp, hạnh phúc. Năm 2017 anh chị cùng sang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), trong thời gian ở nước ngoài anh D có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 5/2019 anh D bị trục xuất về nước, tháng 8/2022 anh D sang lao động tại Vương quốc Anh. Bản thân anh chị đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn, gia đình khuyên bảo nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không còn quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn D theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn D Q, sinh ngày 24/4/2014, hiện đang ở cùng với ông bà nội. Khi ly hôn chị Th đề nghị giao con chung cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi. Do điều kiện anh D đang sinh sống và lao động tại Vương quốc Anh nên chị nhất trí việc Tòa án tạm giao con chung cho bố mẹ đẻ anh D là ông Nguyễn Văn Kh và bà Trần Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh D không ở tại Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung Nguyễn D Q có nguyện vọng được ở cùng với bố và ông bà nội.

Tại lời khai của ông Nguyễn Văn Kh, bà Trần Thị T (bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn D) thể hiện: Anh D hiện đang sinh sống tại Vương quốc Anh, địa chỉ cụ thể thì bà không biết, nhưng anh D thường xuyên liên lạc qua điện thoại với gia đình. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh D biết. Vợ chồng chị Th, anh D mỗi người ở một nơi và không còn liên lạc với nhau. Nay chị Th có đơn xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng, ông bà đã thông báo cho anh D biết. Anh D không gửi văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án nhưng có trao đổi với qua điện thoại và xác định chị Th kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết. Về con chung: Anh D có nguyện vọng được nuôi con đồng thời đề nghị Tòa án tạm giao con chung Nguyễn D Q cho bố mẹ đẻ anh là ông Nguyễn Văn Kh, bà Trần Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh D ở nước ngoài. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết. Ông Kh, bà T nhất trí với sự ủy quyền của anh D về việc nuôi con chung trong thời gian anh D không có mặt tại Việt Nam, không yêu cầu chị Th, anh D cấp dưỡng cho cháu Q và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi các đương sự đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị Phạm Thị Hồng Th và anh Nguyễn Văn D kết hôn hợp pháp, địa phương nắm được vợ chồng anh chị mỗi người ở một nơi, không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Nay chị Th có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các đương sự và quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Phạm Thị Hồng Th, ông Nguyễn Văn Kh và bà Trần Thị T vắng mặt, có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên các ý kiến đã trình bày. Anh Nguyễn Văn D vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS), bị đơn giấu địa chỉ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110 Luật HNGĐ, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức Th, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Phạm Thị Hồng Th ly hôn anh Nguyễn Văn D. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn D Q, sinh ngày 24/4/2014 cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th cấp dưỡng vcho con 1.500.000 đồng/tháng. Trong thời gian anh D không ở Việt Nam, tạm giao con chung Nguyễn D Q cho ông Nguyễn Văn Kh, bà Trần Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Kh, bà T không yêu cầu chị Th, anh D cấp dưỡng cho cháu Q. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng Th hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc) và đã gửi đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị, đơn xin xét xử vắng mặt đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này đều có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định đúng ý chí, nguyện vọng ly hôn của chị Phạm Thị Hồng Th. Bị đơn anh Nguyễn Văn D có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn T, xã Th, huyện Gi, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Vương quốc Anh, không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th và gia ông Kh, bà T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh D ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, gia đình ông Kh, bà T vẫn thường xuyên liên lạc với anh D nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho anh D biết việc chị Th đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo

cho anh D biết. Tại phiên tòa, anh D vắng mặt lần thứ hai, chị Th, ông Kh, bà T có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng Th và anh Nguyễn Văn D kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Gi, tỉnh Hải Dương ngày 20/7/2012, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không có sự tin tưởng nhau, thực tế vợ chồng mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm với nhau. Anh Nguyễn Văn D không thể hiện quan điểm bằng văn bản nhưng thông qua việc liên lạc với gia đình, anh D xác định chị Th kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị Hồng Th và anh Nguyễn Văn D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh thông qua lời khai của đại diện gia đình, quan điểm của địa phương và của các đương sự. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Phạm Thị Hồng Th ly hôn anh Nguyễn Văn D là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Hồng Th và anh Nguyễn Văn D có một con chung là Nguyễn D Q, sinh ngày 24/4/2014. Xét về thực tế cháu Q đang ở cùng với bố mẹ đẻ anh Q và có nguyện vọng ở cùng với anh D. Anh D có nguyện vọng được nuôi con và ủy quyền cho ông Kh, bà T nuôi cháu Q trong thời gian anh không ở tại Việt Nam. Chị Th cũng nhất trí việc giao con chung cho anh D nuôi dưỡng và tạm giao cháu Q cho ông Kh, bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển về mọi mặt của con chung, HĐXX chấp nhận giao cho anh Nguyễn Văn D nuôi dưỡng con chung Nguyễn D Q, sinh ngày 24/4/2014 và chấp nhận sự tự nguyện của chị Th cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và các Điều 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian anh D không ở Việt Nam, tạm giao con chung Nguyễn D Q cho ông Nguyễn Văn Kh, bà Trần Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Kh, bà T không yêu cầu chị Th, anh D cấp dưỡng cho cháu Q. Nếu chị Th có căn cứ cho rằng anh D không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng Th phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147

của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, Khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83; 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Phạm Thị Hồng Th** ly hôn anh **Nguyễn Văn D**.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn D Q, sinh ngày 24/4/2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị Hồng Th cấp dưỡng cho con chung Nguyễn D Q số tiền là 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Không ai được cản trở chị Phạm Thị Hồng Th thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong thời gian anh Nguyễn Văn D không có mặt tại Việt Nam, tạm giao con chung Nguyễn D Q cho ông Nguyễn Văn Kh, bà Trần Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do ông Nguyễn Ngọc Tân đã nộp thay theo biên lai Th tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000500 ngày 05 tháng 10 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Chị Phạm Thị Hồng Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Hồng Th, anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn Kh, bà Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Th, huyện Gi, Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân